

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA**

**VĨNH KHÁNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



**BDO AFC**  
Certified Public Accountants

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị</b>	1- 3
<b>2. Báo cáo kiểm toán</b>	4 - 5
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

Đ-4T  
C  
TRÁCH  
KIỂM T  
TÀI CH  
TP.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh được thành lập trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Vĩnh Khánh, một công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp.

Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003, thay đổi lần 4 ngày 05/07/2005, thay đổi lần thứ 5 ngày 18/12/2006 và thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

**2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Thành viên Hội đồng quản trị

<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Quyền	Thành viên
Ông Phạm Linh	Thành viên
Ông Quách Văn Hên	Thành viên
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên
Ông Lê Phẩm Vinh	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Sinh	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phẩm Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Sinh	Phó Tổng Giám đốc

**3. Trụ sở**

Trụ sở và nhà máy của Công ty đặt tại ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Thủ Đức	Số 62/1 Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức, TPHCM.
Chi nhánh Cần Thơ	Số 84 Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Cần Thơ
Văn phòng đại diện	Số 175 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Q3, TPHCM.

**4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh dây và cáp viễn thông, dây và cáp mạng vi tính điện toán, các phụ tùng và vật tư, vật liệu dùng cho ngành điện, viễn thông và mạng vi tính điện toán.

Sản xuất các sản phẩm bằng cao su, hạt nhựa PVC-PE, dây dẫn điện, dây cáp.

Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện.

Kinh doanh hàng tiêu dùng, hàng kim khí điện máy, bình điện, vỏ ruột xe, điện gia dụng, mỹ phẩm, hàng tư liệu sản xuất: máy móc thiết bị phục vụ cho ngành điện, viễn thông, lò hơi y tế.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, sắt thép và khung nhôm, hàng nông sản: trà, cà phê, hàng lâm sản, các sản phẩm mây, tre, lá.

Đại lý ký gởi hàng hóa, xây dựng dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng, sửa chữa nhà và trang trí nội thất, sản xuất và lắp ráp các loại máy công cụ phục vụ cho ngành sản xuất và lắp ráp tiêu dùng.

Tư vấn quản lý kinh doanh, dạy nghề ngắn hạn tin học, ngoại ngữ (Hoa văn), nghiệp vụ quản lý (Quản trị doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực, quản trị hành chính văn phòng, quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật).

Dịch vụ cung cấp thức ăn thủy, hải sản.

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



Số: 00128.HCM/113.08

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2009

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần cấp nhựa Vĩnh Khánh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty cổ phần cấp nhựa Vĩnh Khánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cổ phần cấp nhựa Vĩnh Khánh cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên mà chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các điểm sau:

Tại điểm 5.8 trong thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty có gửi Cục thuế Bình Dương công văn số 025/VCom/2008 ngày 08 tháng 04 năm 2008 về việc xin tạm ngưng trích khấu hao dây chuyền máy móc dùng để sản xuất cáp viễn thông từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009, do năm 2008 ngành Bưu Chính Viễn Thông chuyển đổi loại cáp đang sử dụng từ trước là cáp viễn thông chuyên sang loại cáp LAN cho phù hợp với công nghệ của thế giới. Vì vậy hoạt động của Công ty cũng như một số công ty khác trong ngành sản xuất cáp viễn thông bị ảnh hưởng nghiêm trọng và theo dự đoán trong tương lai gần sẽ còn tiếp tục bị ảnh hưởng do thay đổi công nghệ sản xuất cáp như đã nêu trên.



**BÙI TUYẾT VÂN**  
Giám đốc dịch vụ  
Chứng chỉ KTV số: Đ.0071/KTV

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1180/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>163.871.766.555</b>	<b>287.236.470.115</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>7.105.089.023</b>	<b>9.903.004.875</b>
1. Tiền	111		7.105.089.023	9.903.004.875
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>521.291.667</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	521.291.667	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>62.285.684.995</b>	<b>187.190.607.945</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5.3	51.414.358.320	183.612.131.935
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	11.119.733.263	3.183.736.519
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	300.047.137	861.804.805
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.3	(548.453.726)	(467.065.314)
<b>I5. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>91.573.224.845</b>	<b>89.265.075.488</b>
1. Hàng tồn kho	141		94.465.073.161	89.265.075.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.891.848.316)	-
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.386.476.025</b>	<b>877.781.807</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.741.159.511	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	645.316.514	877.781.807
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>101.479.480.105</b>	<b>107.092.542.558</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>95.757.900</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		95.757.900	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>97.873.188.365</b>	<b>103.689.876.434</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	<b>51.447.914.179</b>	<b>53.440.100.008</b>
- Nguyên giá	222		112.350.547.952	108.001.352.945
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.902.633.773)	(54.561.252.937)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	<b>25.542.615.313</b>	<b>20.136.988.691</b>
- Nguyên giá	225		32.274.214.240	22.668.214.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.731.598.927)	(2.531.225.549)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	<b>5.495.091.508</b>	<b>5.836.927.980</b>
- Nguyên giá	228		7.280.835.906	7.241.969.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.785.744.398)	(1.405.041.020)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.11	<b>15.387.567.365</b>	<b>24.275.859.755</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.12</b>	<b>3.510.533.840</b>	<b>3.402.666.124</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		485.102.057	386.928.531
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.025.431.783	3.015.737.593
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>265.351.246.660</b>	<b>394.329.012.673</b>

Các báo cáo tài chính này phải được đọc cùng các thuyết minh kèm theo.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>143.470.904.843</b>	<b>273.078.735.606</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.077.152.377</b>	<b>250.635.445.416</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	83.739.415.875	161.519.352.856
2. Phải trả người bán	312	5.14	44.852.893.328	79.459.908.214
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	1.194.150.666	1.890.588.170
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.15	1.978.173.864	5.205.851.708
5. Phải trả người lao động	315		851.449.700	561.966.700
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	1.461.068.945	1.997.777.768
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.393.752.466</b>	<b>22.443.290.190</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	9.028.196.910	22.002.876.790
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.18	365.555.556	392.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	48.413.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>121.880.341.817</b>	<b>121.250.277.067</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>115.913.309.234</b>	<b>115.038.427.757</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		105.500.000.000	105.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.875.357.026	5.875.357.026
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.897.854.977	1.897.854.977
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.640.097.231	2.265.215.754
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>5.967.032.583</b>	<b>6.211.849.310</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		5.967.032.583	6.211.849.310
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>265.351.246.660</b>	<b>394.329.012.673</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		77.737.455	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD			
JPY			
SGD			
NDT			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



**DƯƠNG MINH HÒA**  
Kế toán trưởng



**LÂM QUY CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2009



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	265.150.622.880	598.382.759.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	6.1	3.242.364.096	749.500.870
- Chiết khấu thương mại	4		-	-
- Giảm giá hàng bán	5		-	-
- Hàng bán bị trả lại	6		3.242.364.096	749.500.870
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	6.1	261.908.258.784	597.633.258.909
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	245.821.654.465	548.456.866.113
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		16.086.604.319	49.176.392.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	780.131.728	2.391.645.711
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.949.544.104	22.036.130.292
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.929.579.038	18.697.226.436
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	6.071.089.461	11.464.370.994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	9.355.391.162	9.045.993.804
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [ 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) ]	30		(18.509.288.679)	9.021.543.417
11. Thu nhập khác	31	6.7	23.377.975.790	6.801.021.281
12. Chi phí khác	32	6.8	4.341.797.418	5.422.198.055
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.036.178.372	1.378.823.226
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		526.889.693	10.400.366.643
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	314.980.518	2.747.205.047
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	98.000.000
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		211.909.175	7.555.161.596
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



**DƯƠNG MINH HÒA**  
Kế toán trưởng



**LÂM QUY CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	526.889.693	10.400.366.643
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.922.457.592	12.906.880.351
- Các khoản dự phòng	03	(81.388.412)	(229.053.444)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	500.932.345	(588.920.046)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(206.726.768)	(5.231.126.377)
- Chi phí Lãi vay	06	12.929.579.038	18.697.226.436
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.591.743.488	35.955.373.563
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	128.217.646.974	33.225.467.309
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.308.149.357)	(7.222.648.926)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(37.127.859.040)	(67.559.130.531)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.839.333.037)	(236.192.594)
- Tiền Lãi vay đã trả	13	(12.929.579.038)	(18.697.226.436)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.876.855.759)	(9.338.067.237)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	263.977.591	-
- Tiền Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(245.324.046)	(1.395.816.825)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>96.746.267.776</b>	<b>(35.268.241.677)</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.474.069.523)	(6.965.458.445)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	(1.016.308.573)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(521.291.667)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	206.726.768	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.788.634.422)</b>	<b>(7.981.767.018)</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	500.000.000	18.600.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	252.416.930.746	606.028.511.401
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(339.523.743.433)	(563.655.942.951)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.647.804.174)	(4.494.284.441)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(15.321.269.575)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(90.254.616.861)</b>	<b>41.157.014.434</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.296.983.507)</b>	<b>(2.092.994.261)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.903.004.875</b>	<b>11.407.079.090</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(500.932.345)	588.920.046
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>7.105.089.023</b>	<b>9.903.004.875</b>



**DƯƠNG MINH HÒA**  
Kế toán trưởng



**LÂM QUY CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2009

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần cấp nhựa Vĩnh Khánh được thành lập trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Vĩnh Khánh, một công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp.

Công ty cổ phần cấp nhựa Vĩnh Khánh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003, thay đổi lần 4 ngày 05/07/2005, thay đổi lần thứ 5 ngày 18/12/2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở của Công ty đặt tại Ấp Châu Thới, Xã Bình An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Thủ Đức	Số 62/1 Ngô Quốc Chí, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TPHCM.
Chi nhánh Cần Thơ	Số 84 Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Cần Thơ.
Văn phòng đại diện	Số 175 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P7, Q3, TPHCM.

**Hoạt động chính của Công ty**

Sản xuất, kinh doanh dây và cáp viễn thông, dây và cáp mạng vi tính điện toán, các phụ tùng và vật tư, vật liệu dùng cho ngành điện, viễn thông và mạng vi tính điện toán.

Sản xuất các sản phẩm bằng cao su, hạt nhựa PVC-PE, dây dẫn điện, dây cáp.

Kinh doanh hàng tiêu dùng, hàng kim khí điện máy, bình điện, vỏ ruột xe, điện gia dụng, mỹ phẩm, hàng tư liệu sản xuất: máy móc thiết bị phục vụ cho ngành điện, viễn thông, lò hơi y tế, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, sắt thép và khung nhôm, hàng nông sản: trà, cà phê, hàng lâm sản, các sản phẩm mây, tre, lá.

Đại lý ký gởi hàng hóa, xây dựng dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng, sửa chữa nhà và trang trí nội thất, sản xuất và lắp ráp các loại máy công cụ phục vụ cho ngành sản xuất và lắp ráp tiêu dùng.

Tư vấn quản lý kinh doanh, dạy nghề ngắn hạn tin học, ngoại ngữ (Hoa văn), nghiệp vụ quản lý (Quản trị doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực, quản trị hành chính văn phòng, quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật).

Dịch vụ cung cấp thức ăn thú y, hải sản.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 243 người, trong đó số nhân viên quản lý là 58 người.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành do Bộ Tài Chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

2049  
ÔNG  
NHIỆM  
TÁN VÀ  
ÍNH KẾ  
HỒ C

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam VND được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế phát sinh.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

**4.3 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền cuối tháng

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

45-C.T.  
C.Y  
TƯ HẠN  
Ư VẤN  
TOÁN  
H MINH

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	5 – 20 năm
Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

**Tài sản thuê tài chính**

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính bao gồm giá trị hợp lý của tài sản thuê và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nguyên tắc khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Thời gian khấu hao của TSCĐ thuê tài chính là 6 – 10 năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Giá trị quyền sử dụng đất (có thời hạn 20 năm) của Công ty theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 751759 ngày 06/08/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp. Quyền sử dụng đất này được chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh sang Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/12/2003 với diện tích là 9.507,2 m<sup>2</sup> tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Giá trị quyền sử dụng đất là 7.000.000.000 VND.

Tài sản này đã được điều chỉnh hồi tố trích khấu hao bắt đầu từ năm 2004 đến năm 2007 trên bảng cân đối kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2007 và kết quả kinh doanh năm 2007. Thời gian khấu hao là 20 năm.

Quyền sử dụng đất này bắt đầu tính khấu hao từ tháng 1 năm 2008, thời gian khấu hao là 189 tháng, được dùng để kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

**4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Xác định chi phí đi vay được vốn hóa

Đối với các khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang, chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí thực tế đi vay phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước: dùng để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

**4.8 Chi phí phải trả**

Phản ánh các khoản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**4.9 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và người mua đã chấp nhận thanh toán. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại.

**4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất 28% (hai mươi tám phần trăm) lợi nhuận chịu thuế.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được thực hiện.

**4.11 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	298.655.992 (a)	188.839.406
Tiền gửi ngân hàng	4.750.594.631 (b)	9.714.165.469
Tiền đang chuyển	2.055.838.400 (c)	
	<b>7.105.089.023</b>	<b>9.903.004.875</b>
<b>(a) Chi tiết tiền mặt</b>		
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại văn phòng Công ty	293.185.765	183.369.179
Tiền mặt tại Chi nhánh	5.470.227	5.470.227
	<b>298.655.992</b>	<b>188.839.406</b>
<b>(b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng</b>		
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>USD #</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi bằng đồng Việt Nam	-	4.666.314.860
Tiền gửi bằng ngoại tệ	4.964,35	84.279.771
		<b>4.750.594.631</b>
<b>(c) Tiền đang chuyển của ngân hàng VIB chi nhánh Sài Gòn</b>		

**5.2. Đầu tư ngắn hạn**

Tiền gửi ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển-CN Sài Gòn kỳ hạn 12 tháng (tháng 1/2008- 1/2009).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.3. Phải thu thương mại**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu khách hàng	51.414.358.320 (a)	183.612.131.935
Trả trước người bán	11.119.733.263	3.183.736.519
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(548.453.726)	(467.065.314)
	<b>61.985.637.858</b>	<b>186.328.803.140</b>

**(a) Bao gồm**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu khách hàng Bưu điện	20.673.972.950	135.011.597.236
Phải thu tiền mua vỏ xe CN TP.HCM	301.306.683	35.310.803.562
Phải thu tiền mua vỏ xe CN Cần Thơ	1.634.695.850	-
Khác	28.804.382.837	13.289.731.137
	<b>51.414.358.320</b>	<b>183.612.131.935</b>

**5.4. Phải thu khác**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Quách Văn Út	28.779.402	28.779.402
Thuế TNCN không thường xuyên	-	134.369.660
Công ty cho thuê tài chính QT Việt Nam - (VAT)	150.010.701	518.558.243
Công ty TNHH cho thuê TC Quốc Tế Chailease VAT	121.257.034	180.097.500
	<b>300.047.137</b>	<b>861.804.805</b>

**5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.922.981.415	14.810.581.431
Công cụ, dụng cụ	-	8.596.382
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.267.347.539	19.165.000.054
Thành phẩm	37.252.229.979	45.277.656.925
Hàng hóa	18.022.514.228	10.003.240.696
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>94.465.073.161</b>	<b>89.265.075.488</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.891.848.316)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>91.573.224.845</b>	<b>89.265.075.488</b>

**5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	1.647.071.424	-
Chi phí công cụ dụng cụ	94.088.087	-
	<b>1.741.159.511</b>	-

**5.7. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	165.254.153	165.254.153
Tạm ứng	327.785.669	286.579.181
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	152.276.692	425.948.473
	<b>645.316.514</b>	<b>877.781.807</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.8. Tài sản cố định hữu hình**

					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	15.297.418.519	83.180.842.780	7.909.106.315	1.613.985.331	108.001.352.945
- Mua trong năm	-	6.737.856.380	909.721.347	69.917.280	7.717.495.007
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Giảm	-	(3.368.300.000)	-	-	(3.368.300.000)
- Phân loại	-	741.659.747	(741.659.747)	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.297.418.519</b>	<b>87.292.058.907</b>	<b>8.077.167.915</b>	<b>1.683.902.611</b>	<b>112.350.547.952</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu năm	5.686.957.636	45.653.053.187	2.077.495.876	1.143.746.238	54.561.252.937
- Khấu hao trong năm	704.177.240	5.017.907.387	669.886.829	151.544.556	6.543.516.013
- Giảm	-	(65.100.000)	-	-	(65.100.000)
- Giảm khác	-	(137.035.177)	-	-	(137.035.177)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.391.134.876</b>	<b>50.468.825.397</b>	<b>2.747.382.705</b>	<b>1.295.290.794</b>	<b>60.902.633.773</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	9.610.460.883	37.527.789.593	5.831.610.439	470.239.093	53.440.100.008
Tại ngày cuối năm	8.904.952.628	36.823.233.510	5.331.116.225	388.611.817	51.447.914.179

- GTCL tại ngày 31/12/2008 đã dùng để đảm bảo các khoản vay: 51.447.914.179VND
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2008 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.674.866.885VND
- Nguyên giá máy móc thiết bị tạm ngưng khấu hao (7/2008-6/2009): 45.902.952.822VND

Tháng 6 năm 2008 Công ty có làm công văn gửi Cục Thuế Bình Dương xin tạm ngưng tính khấu hao cho toàn bộ dây chuyền máy móc, thiết bị dùng để sản xuất cáp viễn thông, từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009, để chuyển đổi công nghệ sản xuất từ cáp viễn thông sang sản xuất cáp Lan. Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị tạm ngưng từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2008 là 5.512.541.797 VND.

**5.9. Tài sản thuê tài chính**

			VND
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2008	13.041.314.549	9.626.899.691	22.668.214.240
Mua trong năm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.606.000.000	-	9.606.000.000
31/12/2008	<b>22.647.314.549</b>	<b>9.626.899.691</b>	<b>32.274.214.240</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2008	1.555.240.600	975.984.949	2.531.225.549
Khấu hao trong năm	4.009.005.982	191.367.396	4.200.373.378
31/12/2008	<b>5.564.246.582</b>	<b>1.167.352.345</b>	<b>6.731.598.927</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2008	11.486.073.949	8.650.914.742	20.136.988.691
31/12/2008	<b>17.083.067.967</b>	<b>8.459.547.346</b>	<b>25.542.615.313</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2008	7.000.000.000	241.969.000	7.241.969.000
Mua trong năm	-	38.866.906	38.866.906
31/12/2008	7.000.000.000	280.835.906	7.280.835.906
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2008	1.400.000.000	5.041.020	1.405.041.020
Khấu hao trong năm	350.000.000	30.703.378	380.703.378
31/12/2008	1.750.000.000	35.744.398	1.785.744.398
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2008	5.600.000.000	236.927.980	5.836.927.980
31/12/2008	5.250.000.000	245.091.508	5.495.091.508

Bảng tính khấu hao giá trị quyền sử dụng đất được hồi tố như sau:

	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Nguyên giá	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Mức khấu hao	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Khấu hao lũy kế	350.000.000	700.000.000	1.050.000.000	1.400.000.000
Giá trị còn lại	6.650.000.000	6.300.000.000	5.950.000.000	5.600.000.000

Quyền sử dụng đất đã được điều chỉnh hồi tố cho khoản khấu hao bắt đầu tính từ tháng 01 năm 2004, thời gian tính khấu hao từ năm 2004 đến năm 2023 (20 năm).

Quyền sử dụng đất này bắt đầu tính khấu hao từ tháng 01 năm 2008, thời gian tính khấu hao là 189 tháng.

Quyền sử dụng đất là tài sản đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay ngắn và dài hạn như được nêu tại mục 5.13 và mục 5.17 dưới đây.

**5.11. Chi phí xây dựng cơ bản**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Máy bọc đơn Kobelco A (HD C030)	1.463.637.208	6.266.637.208
Máy bọc đơn Kobelco B (HD C030)	315.069.244	5.118.069.244
Thiết bị thu xả dây 2500 máy 120	4.985.754.598	4.985.754.598
Máy ghép nhóm 37 sợi	4.130.538.443	4.068.284.473
Máy bọc nhựa cấp	2.650.215.932	2.532.547.232
Máy biến áp	642.640.000	642.640.000
2 Máy xoắn cáp mạng Lan	481.980.000	481.980.000
Tủ điều khiển ( CP 22/08) (HD 071559)	179.947.000	179.947.000
Tủ điều khiển máy đơn φ70	176.411.000	-
Hệ thống camera tại VP	51.373.940	-
Cửa hàng trưng bày sản phẩm QL 1K Bình Dương	310.000.000	-
	<b>15.387.567.365</b>	<b>24.275.859.755</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.12. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	485.102.057 (a)	386.928.531
Cầm cố, ký quỹ dài hạn	3.025.431.783 (b)	3.015.737.593
	<b>3.510.533.840</b>	<b>3.402.666.124</b>

**(a) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí sơn xưởng cấp	148.810.971	329.827.993
Chi phí đo hiện trạng và lệ phí trước bạ	50.036.558 (i)	57.100.328
Chi phí SC máy cấp	95.980.240	-
Máy vi tính	12.050.705	-
Chi phí SC xưởng nhựa	64.456.322	-
Chi phí làm thùng xe tải	46.547.619	-
Khuôn công cụ	67.219.642	-
	<b>485.102.057</b>	<b>386.928.531</b>

(i) Chi phí đo hiện trạng và lệ phí trước bạ, thời gian phân bổ còn lại là 8 năm (97 tháng).

**(b) Chi tiết ký quỹ dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính**

	31/12/2008		01/01/2008	
	USD #	VND	USD #	VND
Ký quỹ HD 1806-06047	38.318,08	650.526.044	38.528,32	620.845.348
Ký quỹ HD 1650-05310	47.639,60	808.777.489	47.892,50	771.739.745
Ký quỹ HD 1610-05270	-	-	-	136.636.000
Ký quỹ HD C070200301	47.250,00	802.163.250	47.250,00	761.386.500
Ký quỹ HD A070300601	45.000,00	763.965.000	45.000,00	725.130.000
<b>TỔNG</b>	<b>178.207,68</b>	<b>3.025.431.783</b>	<b>178.670,82</b>	<b>3.015.737.593</b>

**5.13. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	77.371.288.904 (a)	161.519.352.856
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.368.126.971 (b)	-
	<b>83.739.415.875</b>	<b>161.519.352.856</b>

**(a) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

Ngân hàng	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư nợ vay	
				31/12/2008	31/12/2008
				USD	VND
Ngân hàng VIB	0109/VID601-08	LS 6 tháng + 3%	03/10/08 - 02/10/2009	-	15.035.010.219
	0009/VID625/08	150% LSNHNN	03/10/08 - 02/10/2009	-	13.396.889.617
	BIDV Phú Lâm	150% LSNHNN	21/07/2008 - 20/7/2009	-	8.497.843.775

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngân hàng	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư nợ vay	
				31/12/2008 USD	# VND
HSBC Chi nhánh TP.HCM					
VND	VNM CDT 080780	Sibor + 2,5%	09/12/2008 - 08/3/2009	-	4.285.508.700
USD				311.101,27	5.281.566.261
TM Á Châu – CN Tân Bình	TAB01160608/DTT	Từng lần nhận nợ	24/09/08 - 23/09/2009	-	4.080.000.000
Ngân hàng UOB	UOB/HCMC/CA-0777	Từng lần nhận nợ	18/09/2008 - 17/3/2009	289.156,00	4.909.001.412
Ngân hàng TM Quân Đội	418/2008/HĐ-HM	Từng lần nhận nợ	26/12/2008 - 25/12/2009	-	5.960.913.000
Vay cá nhân (Ông Lâm Quy Chương)	01/VK-LWC/08	7%/năm	08/07/2008 - 07/07/2009	950.000,00	15.723.714.420
					<b>77.371.288.904</b>

**(b) Chi tiết vay dài hạn đến hạn trả:**

	Lãi Suất	Ngoại tệ USD	31/12/2008 VND
Ngân hàng HSBC Chi nhánh TP.HCM		-	484.309.008
Ngân hàng UOB	13,2%	-	517.768.313
Quỹ hỗ trợ phát triển Bình Dương	9,0%	-	1.200.000.000
Công ty TNHH cho thuê TCQT Chailease		108.401,07	1.840.324.965
Công ty TNHH cho thuê TCQT Chailease		-	130.000
Công ty cho thuê TC Quốc Tế VN		136.985,02	2.325.594.685
<b>Cộng</b>			<b>6.368.126.971</b>

**5.14. Phải trả thương mại**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Phải trả người bán	44.852.893.328 (a)	79.459.908.214
Người mua ứng trước	203.540.000	633.839.417
Doanh thu nhận trước	990.610.666 (b)	1.256.748.753
<b>Cộng</b>	<b>46.047.043.994</b>	<b>81.350.496.384</b>

**(a) Chi tiết phải trả người bán**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	-	41.468.428.767
Phải trả nhà cung cấp trong nước	44.852.893.328	37.991.479.447
<b>Cộng</b>	<b>44.852.893.328</b>	<b>79.459.908.214</b>

**(b) Chi tiết doanh thu nhận trước**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Công ty TNHH France Cables & Ratio	842.781.155	842.781.155
Công ty vật tư Bưu Điện	12.001.571	413.967.598
Công ty CP ĐT XD Viễn Thông Đồng Tháp	118.300.000	-
Công ty Viễn Thông Cần Thơ Hậu Giang	14.779.880	-
Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức	2.748.060	-
<b>Cộng</b>	<b>990.610.666</b>	<b>1.256.748.753</b>

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.522.514.267	3.253.411.747
Thuế xuất nhập khẩu	157.171.913	100.449.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.394.464	1.849.587.696
Thuế thu nhập cá nhân TX	(30.358.914)	(95.084.181)
Thuế thu nhập cá nhân không TX	102.452.134	97.486.484
<b>Cộng</b>	<b>1.978.173.864</b>	<b>5.205.851.708</b>

**5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	403.311.932
Kinh phí công đoàn	27.858.644	73.377.404
Bảo hiểm xã hội	15.629.980	7.948.030
Phải trả khác	1.417.580.321 (a)	1.512.664.502
<b>Cộng</b>	<b>1.461.068.945</b>	<b>1.997.777.768</b>

**(a) Chi tiết phải trả khác:**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Công ty France Cables & Radio VN (FCRV)	1.417.580.321	1.417.580.321
Phải trả khác	-	95.084.181
<b>Cộng</b>	<b>1.417.580.321</b>	<b>1.512.664.502</b>

**5.17. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay ngân hàng dài hạn	1.762.365.000 (a)	5.298.119.004
Thuê tài chính	7.265.831.910 (b)	15.079.685.734
Nợ ngân hàng dài hạn	-	1.625.072.027
<b>Cộng</b>	<b>9.028.196.910</b>	<b>22.002.876.790</b>

**(a) Số dư chi tiết gồm vay dài hạn**

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế VN	-	167.136.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	1.762.365.000 (1)	4.162.365.000
Ngân hàng HSBC	-	968.618.004
	<b>1.762.365.000</b>	<b>5.298.119.004</b>

**(a1) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương:**

Hợp đồng vay số	: 03/2003/HĐTD ngày 07/07/2003
Hạn mức	: 16.000.000.000 đồng
Thời hạn vay	: 57 tháng (đáo hạn tháng 7 năm 2011)
Lãi suất	: 0.7%/ tháng
Mục đích vay	: Nhập khẩu máy móc thiết bị
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp quyền sử dụng đất, nhà xưởng và các tài sản khác hình thành bằng nguồn vốn tự có của Công ty có giá trị ít nhất là 8 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**(a2) Vay Ngân hàng Hồng Kông & Thượng Hải – Chi nhánh TPHCM (HSBC)**

Hợp đồng vay số	:	VNMPFS 060617 Car ngày 12/12/2006
Hạn mức	:	90.300,00 USD
Thời hạn vay	:	36 tháng (đáo hạn vào tháng 12 năm 2009)
Lãi suất	:	Lãi suất cơ bản + 1,5%/ năm trên số dư nợ giảm dần
Mục đích vay	:	Vay mua xe Mercedes
Hình thức đảm bảo	:	Hợp đồng bảo hiểm xe Mercedes Bảo lãnh cá nhân từ Ông Lâm Quy Chương cho toàn bộ giá trị khoản vay
Số dư 31/12/2008	:	484.309.008 VND (đã kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả)

**(b) Thuê tài chính của Công Ty Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam:**

Hợp đồng	31/12/2008		01/01/2008	
	USD	VND	USD	VND
Hợp đồng số 1650/2006	152.774,59	2.593.654.215	224.795,58	3.622.355.976
GT mua lại TSTTC	-	-	3.361,10	54.160.765
Hợp đồng số 1610/2005	-	130.000	-	463.587.225
GT mua lại TSTTC	-	-	-	7.470.000
Hợp đồng số 1806-06047/2006	142.169,34	2.413.608.885	196.918,40	3.173.143.098
GT mua lại TSTTC	-	-	2.733,25	44.043.591
Hợp đồng số C070200301/2007	191.462,40	3.250.457.165	243.204,00	3.918.989.256
Hợp đồng số A070300601/2007	186.960,67	3.174.031.295	235.567,57	3.795.935.823
<b>Cộng</b>	<b>673.367,00</b>	<b>11.431.881.560</b>	<b>906.579,90</b>	<b>15.079.685.734</b>

**@ Chi tiết số dư nợ dài hạn thuê tài chính 31/12/2008 bao gồm:**

Số dư chuyển nợ dài hạn đến hạn trả:	4.166.049.650 VND
Số dư nợ dài hạn:	7.265.831.910 VND
<b>Cộng</b>	<b>11.431.881.560 VND</b>

**5.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	365.555.556	392.000.000
<b>Cộng</b>	<b>365.555.556</b>	<b>392.000.000</b>

**5.19. Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 cấp ngày 05/07/2005, thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 18/12/2006 và thay đổi lần thứ 6 cấp ngày 03/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương:

Vốn điều lệ của công ty là:	130.000.000.000 VND.
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND/ cổ phần
Số cổ phần:	13.000.000 cổ phần
Vốn cổ phần đã góp đến 31/12/2008:	105.500.000.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH

## BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>01/01/2007</b>	<b>86.400.000.000</b>	<b>3.520.047.072</b>	<b>720.200.000</b>	<b>20.353.748.071</b>	<b>110.993.995.143</b>
LN trong năm trước	13.600.000.000	-	-	7.905.161.596	21.505.161.596
Tăng khác	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
Cổ tức	-	-	-	(13.600.000.000)	(13.600.000.000)
Giảm LNCPP	-	2.355.309.954	1.177.654.977	(10.013.940.894)	(6.480.975.963)
Điều chỉnh hồi tố KH	-	-	-	(1.694.000.000)	(1.694.000.000)
Điều chỉnh hồi tố thuế	-	-	-	(685.753.019)	(685.753.019)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>105.000.000.000</b>	<b>5.875.357.026</b>	<b>1.897.854.977</b>	<b>2.265.215.754</b>	<b>115.038.427.757</b>
Tăng vốn	500.000.000	-	-	-	500.000.000
LN trong năm	-	-	-	211.909.175	211.909.175
Tăng khác	-	-	-	137.035.177	137.035.178
Giảm khác	-	-	-	(507.319)	(507.319)
TTNDN hoãn lại	-	-	-	26.444.444	26.444.444
<b>31/12/2008</b>	<b>105.500.000.000</b>	<b>5.875.357.026</b>	<b>1.897.854.977</b>	<b>2.640.097.231</b>	<b>115.913.309.234</b>

### 5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vốn góp của cổ đông sáng lập	85.000.000.000	85.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	20.500.000.000	20.000.000.000
	<b>105.500.000.000</b>	<b>105.000.000.000</b>

### 5.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	105.000.000.000	86.400.000.000
Vốn góp tăng trong năm	500.000.000	18.810.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	105.500.000.000	105.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	13.600.000.000

### 5.19.4. Cổ phiếu

	31/12/2008	01/01/2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.550.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	10.550.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.550.000	10.500.000



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu nhựa	67.712.047.192	55.038.436.243
Doanh thu cấp	35.697.888.151	346.386.584.424
Doanh thu vỏ xe	160.328.432.901	165.695.042.665
Doanh thu điện thoại	1.412.254.636	26.458.496.447
Doanh thu khác	-	4.804.200.000
	<b>265.150.622.880</b>	<b>598.382.759.779</b>

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm giá hàng bán	80.797.606	454.548.800
Hàng bán bị trả lại	3.161.566.490	294.952.070
	<b>3.242.364.096</b>	<b>749.500.870</b>

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu nhựa	67.631.249.595	54.743.484.173
Doanh thu cấp	35.697.888.151	345.932.035.624
Doanh thu vỏ xe	157.166.866.402	165.695.042.665
Doanh thu điện thoại	1.412.254.636	26.458.496.447
Doanh thu khác	-	4.804.200.000
	<b>261.908.258.784</b>	<b>597.633.258.909</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn nhựa	50.383.977.042	46.816.689.427
Giá vốn cấp	40.624.131.804	320.000.163.360
Giá vốn vỏ xe	147.619.878.015	152.961.051.497
Giá vốn điện thoại	1.278.346.644	23.850.461.829
Giá vốn khác	-	4.828.500.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.891.848.316	-
Khấu hao TSCĐ vượt định mức	3.023.472.644	-
	<b>245.821.654.465</b>	<b>548.456.866.113</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	206.875.482	147.742.820
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	315.571.259	1.030.035.395
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	257.684.987	1.213.867.496
	<b>780.131.728</b>	<b>2.391.645.711</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền vay	12.929.579.038	18.697.226.436
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.498.521.888	2.713.956.406
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	758.617.332	624.947.450
Lãi thuê tài chính	762.825.846	-
	<b>19.949.544.104</b>	<b>22.036.130.292</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nhân viên	1.831.584.324	1.301.783.074
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.869.234	17.870.642
Chi phí khấu hao TSCĐ	75.029.176	80.001.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.487.852.613	10.064.715.870
Chi phí khác bằng tiền	673.754.114	-
	<b>6.071.089.461</b>	<b>11.464.370.994</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lương nhân viên	3.821.239.800	2.202.074.744
Khấu hao TSCĐ	873.551.390	1.205.214.573
Chi phí dự phòng	159.125.867	175.111.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.233.688.758	2.758.093.492
Chi phí khác bằng tiền	267.785.347	2.705.499.820
	<b>9.355.391.162</b>	<b>9.045.993.804</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý tài sản	8.675.000.000	5.231.126.377
Hỗ trợ bán hàng của Wenwu và Decen	13.672.235.100	-
Thu từ việc bán phế liệu	719.842.396	890.323.871
Thu nhập khác	159.143.199	679.571.033
Thu nhập từ kiểm kê	151.755.095	-
	<b>23.377.975.790</b>	<b>6.801.021.281</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Xuất bán phế liệu	663.850.859	616.973.142
Thanh lý TSCĐ	3.303.200.000	4.455.224.913
Khác	374.746.559	350.000.000
	<b>4.341.797.418</b>	<b>5.422.198.055</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
<b>Thu nhập trước trước thuế</b>	<b>526.889.693</b>	<b>10.400.366.643</b>
<b>Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế</b>		
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	758.617.332	624.947.450
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(257.684.987)	(1.213.867.496)
Chi phí không hợp lệ, chi phí chịu thuế	2.663.939	-
Chênh lệch khấu hao TSCĐ vô hình (QSĐĐ)	94.444.444	-
<b>Thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh</b>	<b>1.124.930.420</b>	<b>9.811.446.597</b>
Thuế suất	28%	28%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>314.980.518</b>	<b>2.747.205.047</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>98.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.164.970.770	177.380.646.322
Chi phí nhân công	9.088.248.144	5.970.740.415
Khấu hao TSCĐ	8.259.015.959	7.277.875.976
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	159.125.867	175.111.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.730.429.494	17.156.358.321
Chi phí khác bằng tiền	1.144.321.289	3.235.187.729
	<b>94.546.111.523</b>	<b>211.195.919.938</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Thông tin so sánh**

Một số thông tin trên báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2007 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được kiểm toán, đã được điều chỉnh hồi tố.

Năm 2008 đơn vị hồi tố giá trị khấu hao quyền sử dụng đất từ năm 2004 đến năm 2007 chưa được tính, và điều chỉnh hồi tố khoản thuế thu nhập doanh nghiệp 2006 bị truy thu theo biên bản kiểm tra của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Các điều chỉnh hồi tố sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	<i>Số dư 31/12/2007 trước hồi tố</i>	<i>Chênh lệch hồi tố</i>	<i>Số dư 31/12/2007 sau hồi tố</i>
Nguyên giá	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Khấu hao lũy kế	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Giá trị còn lại	7.000.000.000	(1.400.000.000)	5.600.000.000
Thuế TNDN phải nộp	4.618.098.689	587.753.019	5.205.851.708
Thuế TN hoãn lại phải trả	-	392.000.000	392.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	4.644.968.773	(2.379.753.019)	2.265.215.754

**Báo cáo kết quả kinh doanh**

	<i>Năm 2007 trước hồi tố</i>	<i>Chênh lệch hồi tố</i>	<i>Năm 2007 sau hồi tố</i>
Chi phí khác	-	350.000.000	350.000.000
Lợi nhuận trước thuế	10.750.366.643	(350.000.000)	10.400.366.643
Thuế thu nhập DN hiện hành	2.845.205.047	(98.000.000)	2.747.205.047
Thuế thu nhập hoãn lại	-	98.000.000	98.000.000

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<i>Năm 2007 trước hồi tố</i>	<i>Năm 2007 sau hồi tố</i>
Lợi nhuận trước thuế	<b>10.750.366.643</b>	<b>10.400.366.643</b>
Điều chỉnh lợi nhuận		
Khấu hao tài sản cố định	12.556.880.351	12.906.880.351
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi VLĐ	<b>35.955.373.563</b>	<b>35.955.373.563</b>
Tăng giảm các khoản phải trả	(76.897.197.768)	(67.559.130.531)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(9.338.067.237)



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH

## BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

### 7.2. Thông tin với bên liên quan

Các bên được xem là bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Bên liên quan	Quan hệ	Nghịệp vụ	Số tiền	
			USD	VND
Ông Lâm Quy Chương	Cổ đông sáng lập	Cho vay	950.000,00	15.723.714.420
		Bảo lãnh nợ vay ngân hàng HSBC	-	484.309.008



**DƯƠNG MINH HÒA**  
Kế toán trưởng



**LÂM QUY CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2009